TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TH** **TỈNH HD**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 19/7/2024.
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH HD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành, bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện TH, tỉnh HD tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện TH, tỉnh HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03/7/2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Lê Văn Ch, sinh năm 1959, (đề nghị xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Hạ Vĩnh, xã Thanh Quang, huyện TH, tỉnh HD.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn do Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh HD chỉ định: ông Nguyễn Ngọc Tiến – Trợ giúp viên pháp lý. (đề nghị xử vắng mặt).

- **Bị đơn**: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1959, (đề nghị xử vắng mặt).

Địa chỉ: thôn 14, xã Đăk Wer, huyện Đ R, tỉnh Đ N.

- **Những người làm chứng**: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Th. (đều đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn Ch, bị đơn bà Vũ Thị H đều thống nhất trình bày: Ông bà tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Thanh Bính (nay là xã Thanh Quang), huyện TH, tỉnh HD khoảng năm 1979-1980. Quá trình chung sống vì ông là thương binh hạng ¼ , không lao động được vợ chồng bất đồng quan điểm nên xảy ra mâu thuẫn. Khoảng năm 1987, bà H đã bỏ vào Miền Nam sinh sống, vợ chồng đã ly thân gần 40 năm. Nay ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng không còn ông Ch xin ly hôn, bà H nhất trí. Ông bà

đều thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh HD để giải quyết.

Về con chung: Ông bà đều thống nhất trình bày, ông bà có ba con chung là Lê Thị H, sinh năm 1980; Lê Tuấn A, sinh năm 1983; Lê Phi H, sinh năm 1986, Hiện nay các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 06/9/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm 1 của Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 về hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2001 của Quốc hội. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị, xử công nhận thuận tình ly hôn của ông Lê Văn Ch và bà Vũ Thị H. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, người làm chứng đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Các đương sự thỏa thuận bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh HD giải quyết đảm bảo đúng theo quy định của Pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Mặc dù ông bà Ch, H không giao nộp được bản chính giấy chứng nhận kết hôn nhưng đều thống nhất trình bày: Ông bà tự do tìm hiểu và tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Bính (nay là xã Thanh Quang), huyện TH, tỉnh HD khoảng năm 1979 -1980. Vì thời gian đã lâu, nên giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc, sổ theo dõi kết hôn Ủy ban nhân dân xã Thanh Quang không còn lưu giữ. Như vậy xác định hôn nhân giữa ông Ch và bà H được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực). Căn cứ khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Hướng dẫn tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 06/9/2000 của UBTVQH về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm 1 của Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày

03/01/2001 về hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2001 của Quốc hội, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn. Bà H đã vào tỉnh Đ N sinh sống, vợ chồng ly thân đã gần 40 năm. Ông Ch xin ly hôn, bà H đồng ý ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà Ch, H.

[4]. Về con chung: Ông bà đều trình bày, vợ chồng có ba con chung là Lê Thị H, sinh năm 1980; Lê Tuấn A, sinh năm 1983; Lê Phi H, sinh năm 1986, hiện nay các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. HĐXX không giải quyết.

[5]. Về tài sản, nợ chung, công sức: Ông Ch, bà H đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông Lê Văn Ch là người cao tuổi và là thương binh, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Điều 55; khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điểm b khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 06/9/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm 1 của Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 về hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2001 của Quốc hội. Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn Ch và bà Vũ Thị H.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn Ch.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- UBND xã Thanh Quang, huyện TH;
- UBND xã Đăk Wer, huyện Đ R, tỉnh ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hoài